| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ QUAO**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2023
"V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Danh Thị Kiều Oanh
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Bà Lương Thị Hồng Hạnh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 400/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thị Mỹ Th, sinh năm 1996 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh Lê Phước T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Thị Mỹ Th như sau:

Vào năm 2012 chị Th và anh T tự tìm hiểu nhau được thời gian rồi tiến tới chung sống với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Định Hòa vào ngày 24/01/2018, do trước đây chị sống ở xã Định Hòa nên chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được hơn 08 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, để một mình chị đi làm lo cho cả gia đình; ngoài ra, anh T còn không chung thủy vợ chồng mà có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ những nguyên nhân này nên vợ chồng đã không còn hạnh phúc và chị cũng không thể cam chịu được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Chị và anh T có hai người con chung tên Lê Trường Th1, sinh ngày 03/12/2014 và Lê An Kh, sinh ngày 24/9/2017, hai con sống chung với chị từ khi vợ

chồng ly thân đến nay. Chị Th khai là chị và anh T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phước T; Về con chung chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con Lê Trường Th1 và Lê An Kh; chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lê Phước T không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh T không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm***:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử chấp cho chị Thị Mỹ Th được ly hôn với anh Lê Phước T. Về con chung giao hai con chung Lê Trường Th1, sinh ngày 03/12/2014 và Lê An Kh, sinh ngày 24/9/2017 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Viện kiểm sát không đề nghị. Về tài sản chung và nợ chung chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về tố tụng: Chị Thị Mỹ Th yêu cầu ly hôn với anh Lê Phước T, yêu cầu nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật "ly hôn, yêu cầu nuôi con" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Phước T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

**[2]** Về hôn nhân: chị Th và anh T tự quen biết tìm hiểu nhau rồi tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012, anh chị có tổ chức đám cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Định Hòa, huyện Gò Quao số 09 vào ngày 24/01/2018 theo

quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh T vì lý do anh T không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, để một mình chị đi làm lo cho cả gia đình; ngoài ra, anh T còn không chung thủy vợ chồng mà có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ những nguyên nhân này nên vợ chồng đã không còn hạnh phúc và chị cũng không thể cam chịu được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Th khai rõ trong thời gian ly thân chị và anh T không gặp nhau từ năm 2021 đến nay nên không thể hàn gắn đời sống hôn nhân được nữa và chị không còn tình cảm với anh T, chị Th cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh T. HĐXX thấy rằng, sau thời gian chung sống giữa chị Th và anh T đã phát sinh nhiều sự bất đồng và không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp.

**[3]** Về con chung: Chị Th khai vợ chồng chị có hai người con chung tên Lê Trường Th1, sinh ngày 03/12/2014 và Lê An Kh, sinh ngày 24/9/2017. Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Th1 và cháu Kh. Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay, hai con đã sống chung với chị Th và hiện hai cháu phát triển bình thường, hơn nữa cháu Th1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên xét yêu cầu nuôi hai con của của chị Th là phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật, do đó HĐXX chấp nhận.

**[4]** Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

**[5]** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[6]** Đối với bị đơn anh Lê Phước T, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh T vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định nhưng anh T vẫn không có mặt không có lý do và anh T cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

**[7]** Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

**[8]** Về án phí: bằng 300.000 đồng chị Thị Mỹ Th phải nộp do chị có yêu cầu.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

**1. Về hôn nhân**: Chấp nhận cho chị Thị Mỹ Th được ly hôn với anh Lê Phước T.

**2. Về con chung**: Giao Lê Trường Th1, sinh ngày 03/12/2014 và Lê An Kh, sinh ngày 24/9/2017 cho chị Thị Mỹ Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng:** Miễn xét

**4.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị Mỹ Th phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001732 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Chị Th đã nộp xong án phí HNST.

**5.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 18/7/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

*(Đã ký)*

**Danh Thị Kiều Oanh**